

Menubutton Trong Tkinter

Menubutton trong Tkinter được sử dụng để tạo các nút có thể mở rộng để hiển thị các tùy chọn menu. Nút này khi nhấn vào sẽ mở ra một menu chứa các tùy chọn.

Mã Minh Họa:

```
import tkinter as tk

my_w = tk.Tk()
my_w.geometry("410x250")

l1 = tk.Label(my_w, text='Chào mừng bạn đến với
Menubutton')
l1.grid(row=1, column=1)

l2 = tk.Label(my_w, text='Thông điệp ở đây')
l2.grid(row=2, column=2)

str1 = tk.StringVar()
font1 = ('Times', 18, 'normal')

mb = tk.Menubutton(my_w, text='Menu của Tôi',
                    activebackground='lightyellow',
                    font=font1,
                    underline=4, relief='raised', width=20)
mb.grid(row=2, column=1, padx=10)

mb.menu = tk.Menu(mb)
mb['menu'] = mb.menu

mb.menu.add_command(label="Tùy chọn 1", command=lambda:
print(str1.get()))
mb.menu.add_checkbutton(label='Kiểm tra 1', variable=int1,
onvalue=5, offvalue=6, command=lambda: print(int1.get()))
mb.menu.add_radiobutton(label='Radio 1', value=0,
variable=optvar, command=lambda:
l2.config(text=optvar.get()))
mb.menu.add_radiobutton(label='Radio 2', value=1,
variable=optvar, command=lambda: print(optvar.get()))
mb.menu.add_command(label='my_fun', command=lambda:
my_fun())
mb.menu.add_command(label='Thoát', command=my_w.quit)

my_w.mainloop()
```

Trong ví dụ trên, chúng ta đã tạo một **Menubutton** có tiêu đề là "Menu của Tôi". Khi nhấn vào nút này, một menu xuất hiện chứa các tùy chọn như "Tùy chọn 1", "Kiểm tra 1", "Radio 1", v.v.

Các Tùy Chọn:

- **activebackground**: Màu nền khi Menubutton được chọn.
- **anchor**: Hướng mà văn bản sẽ được đặt, có thể là 'n', 'ne', 'e', 'se', 's', 'sw', 'w', 'nw', hoặc 'center'.
- **bg**: Màu nền của Menubutton.
- **bd**: Độ dày của viền, mặc định là 2.
- **bitmap**: Hình ảnh trên nút, ví dụ: 'question'.
- **cursor**: Hình dạng con trỏ khi di chuột qua Menubutton.
- **fg**: Màu của văn bản.
- **font**: Phong chữ.
- **height**: Chiều cao của Menubutton.
- **justify**: Căn chỉnh văn bản.
- **padx**: Khoảng cách giữa văn bản và viền của Menubutton theo chiều ngang.
- **pady**: Khoảng cách giữa văn bản và viền của Menubutton theo chiều dọc.
- **relief**: Kiểu đường viền, có thể là 'raised', 'sunken', 'flat', 'ridge', 'solid' hoặc 'groove'.
- **state**: Trạng thái của Menubutton, có thể là 'disabled', 'normal', 'active'.
- **text**: Văn bản hiển thị trên nút.
- **textvariable**: Biến kết nối với văn bản của Menubutton.
- **underline**: Vị trí của văn bản cần gạch chân.
- **width**: Chiều rộng của nút.
- **wraplength**: Độ dài tối đa của văn bản trước khi xuống dòng.

Ngoài ra, bạn cũng có thể thêm các phương thức và các tùy chọn khác như `add_command()`, `add_radiobutton()`, và `add_checkbutton()` cho menu của Menubutton.